TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 238/2026/DS-ST
Ngày: 23/02/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Thiện

2. Ông Trần Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà An Phương Trang là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Bà Cao Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1418/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2026/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Sài Gòn T**
Mã số doanh nghiệp: 0301103908
Trụ sở: đường N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức danh: Tổng giám đốc.
Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản ngân hàng Sài Gòn T, trụ sở: đường N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T - Chức danh: Tổng giám đốc (theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022).
Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Nhật Kinh K - sinh ngày 28/03/1987; địa chỉ: đường N, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy uỷ quyền số 7851/2024/UQ-TGĐ ngày 11/11/2024) (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Bích T** – sinh ngày 11/07/1983 (vắng mặt)
Chứng minh số: 023638071 cấp ngày 14/05/2013
Địa chỉ: đường V, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là đường V, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/09/2014, bà Trần Thị Bích T với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T (gọi tắt là Ngân hàng) có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 200.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.4%/ tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 10.307.260.767 đồng, bà T đã thanh toán gốc và lãi số tiền là 10.376.657.194 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 16/02/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số tiền là 25.767.319 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Do đó, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T yêu cầu bà Trần Thị Bích T phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/02/2026 là 82.476.433 đồng, trong đó: nợ gốc: 25.767.319 đồng; lãi quá hạn: 56.709.114 đồng. Buộc bà Hai có trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 24/02/2026 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

Bị đơn: Bà Trần Thị Bích T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng ông Huy vẫn không đến Toà làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay,

Người đại diện của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có ý kiến trình bày. Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/09/2014 thì các bên

thoả thuận địa chỉ của bị đơn tại phường Hòa Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại tòa án và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự

Xét người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu đương sự

[2.1] Về số tiền vay

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Ngày 18/09/2014, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T cấp tín dụng cho bà Trần Thị Bích T bằng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; cụ thể: loại thẻ: Sacombank MasterCard; số tài khoản: 3272151485. bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 10.307.260.767 đồng, bà T đã thanh toán gốc và lãi số tiền là 10.376.657.194 đồng. Tạm tính đến ngày 23/02/2026, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền là 82.476.433 đồng, trong đó: nợ gốc là: 25.767.319 đồng, nợ lãi quá hạn là 56.709.114 đồng.

Xét thấy, quá trình thụ lý giải quyết vụ án để làm rõ số tiền hiện bị đơn còn nợ và số tiền đã thanh toán, Toà án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Toà để trình bày ý kiến của mình nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó, việc nguyên đơn tự nguyện khai báo về số tiền mà bị đơn đã thanh toán cũng như số tiền hiện còn nợ là có cơ sở, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Về lãi suất:

Xét thấy, tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/09/2014; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T; Thông báo v/v thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế Sacombank thì giữa Ngân hàng với bà T có thỏa thuận lãi suất cho vay là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, bà T còn

phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

[2.3] Về thời hạn thanh toán:

Do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán theo như thoả thuận trong hợp đồng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị Bích T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/02/2026 là: 82.476.433 đồng *(Tám mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn bốn trăm ba mươi ba đồng)*, trong đó: nợ gốc là: 25.767.319 đồng, nợ lãi quá hạn là 56.709.114 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/09/2014.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.123.822 đồng *(Bốn triệu một trăm hai mươi ba ngàn tám trăm hai mươi hai đồng)* và nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.696.270 đồng *(Một triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm bảy mươi đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0075322 ngày 20/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn T và bà Trần Thị Bích T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

5. Về thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 4;
- TAND Tp HCM;
- THADS khu vực 4;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Vân